

Bản án số 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/01/2024
(V/v T/ c Hôn nhân và gia
đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, bà Nguyễn Thị Yến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp HNGĐ

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21/12/ 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1972 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ- Sinh năm 1969(Vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau tại thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam từ năm 1990. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi . Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông Đ. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu không công nhận bà L và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Cảnh, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Đ đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện KSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Đ là vợ chồng.

Tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt của bị đơn, tuy nhiên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật, do vậy việc xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Quan hệ hôn nhân : Bà L và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau tại thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam từ năm 1990 đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn nên là trường hợp chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà L trình bày mâu thuẫn do không hợp nhau nên vợ chồng ly thân từ khoảng 2017 đến nay, vợ chồng bỏ mặc nhau sống. Bà L yêu cầu ly hôn thì ông Đ không ý kiến gì, vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L .

Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 con chung đều đã thành niên nên không giải quyết.

[2.2]. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đình Đ là vợ chồng.

2.Án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000709 ngày 03/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ các 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự : Bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận

- Dương sự,
- TAND T, BG
- VKSNDH. Lục Nam
- THADSH. Lục Nam,
- UBND xã Nghĩa Phương
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên